

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 18-6-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương Lan
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy:* Bà Đặng Thị Xuân Mai – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn:

- Chị Bùi Thị Kh, sinh năm 1979 – *Có mặt*
- Anh Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1976 – *Vắng mặt*

Đều có địa chỉ: thôn VXD, TX, huyện TT, Thái Bình.

(Anh Nguyễn Trọng Th ủy quyền cho chị Bùi Thị Kh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 02/3/2021)

Bị đơn:

- Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1963 – *Có mặt*
- Bà Lâm Thị H, sinh năm 1968 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn BX, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

(Ông Đỗ Văn H ủy quyền cho bà Lâm Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 28/4/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Kh, anh Nguyễn Trọng Th trình bày:

Do có quen biết với bà Lâm Thị H nên vào năm 2008 chị và chồng chị là anh Nguyễn Trọng Th có cho bà H, ông H vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, để vợ chồng bà H kinh doanh, buôn bán. Tại thời điểm vay bà H có đưa 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng là anh C (người ở Hải Phòng) để chị cầm làm tin chứ không lập bất cứ thỏa thuận gì về việc cầm cố hay thế chấp. Năm 2009, 2010 bà H có trả lãi mỗi lần trả lãi khoảng 3.000.000 đồng. Ngày 27/3/2011, bà H cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh C nên đã đổi cho chị cầm làm tin 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng là anh Ph, chị Ng (là em của bà Trịnh Thị S ở thôn Xuân Bàng), cùng ngày bà H viết biên nhận vay nợ đối với số tiền 200.000.000 đồng với lãi 2%/tháng và cam kết đến ngày 9/6/2011 âm lịch sẽ thanh toán đủ cả gốc lẫn lãi. Đến ngày 9/6/2011 bà H vẫn chưa trả mà tiếp tục vay lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 12/10/2018, bà H cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến hỏi chị cho lấy lại sổ chị đồng ý trả, bà H trả chị 40.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 160.000.000 đồng. Tính đến thời điểm này bà H đã trả cho chị khoảng 40.000.000 đồng lãi, anh, chị đã tuyên bố cho bà H, ông H toàn bộ lãi chưa trả, hai bên lập thỏa thuận vay mới với nội dung vợ chồng anh chị cho bà H, ông H vay 160.000.000 đồng (không tính lãi) đến ngày 12/10/2020. Đến ngày 12/10/2020, bà H và ông H vẫn không trả nợ như đã cam kết nên anh, chị khởi kiện yêu cầu bà Hương và ông Hoạt phải trả ngay cho anh, chị 160.000.000 đồng. Hiện anh chị không còn cầm giữ tài sản gì của bà H, ông H. Anh, chị không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 160.000.000 đồng trong thời gian vay. Trường hợp bà H, ông H không trả được nợ thì sau khi bản án có hiệu pháp luật, chị có yêu cầu thi hành án thì bà H, ông H phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

**Tại bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lâm Thị H trình bày (ý kiến của bà H cũng đồng thời là ý kiến của ông Đỗ Văn H)*

Bà H xác định vợ chồng bà có vay tiền chị Kh, anh Th như lời khai của chị Kh là đúng. Hiện nay bà còn nợ chị Kh, anh Th 160.000.000 đồng. Theo giấy biên nhận ngày 12/10/2018 bà cam kết đến ngày 12/10/2020 bà trả nợ nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn làm ăn thua lỗ nên vợ chồng bà chưa trả được nợ cho chị Kh, anh Th dẫn đến việc khởi kiện. Nay bà nhận nợ số tiền 160.000.000 đồng và đề nghị được phân kỳ trả nợ, 3 tháng trả nợ một lần, mỗi lần trả 10 triệu đồng cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ mà bị đơn đề nghị nên không hòa giải được, phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án:

đề nghị áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 160.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Trọng Th ủy quyền cho chị Bùi Thị Kh tham gia tố tụng, ông Đỗ Văn H ủy quyền cho bà Lâm Thị H tham gia tố tụng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Th, ông H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Chị Kh, anh Th và bà H, ông H đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự; Giấy vay nợ các bên lập ngày 12/10/2018 được hai bên thừa nhận. Thỏa thuận vay nợ hoàn toàn tự nguyện; nội dung và mục đích theo thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội vì vậy phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Bà H, ông H thừa nhận còn nợ chị Kh, anh H 160.000.000 đồng nhưng đề nghị trả theo kỳ 3 tháng 1 lần, mỗi lần 10 triệu cho đến khi hết nợ nhưng chị Kh và anh Th không đồng ý. Trong thỏa thuận vay nợ không thỏa thuận phương thức thanh toán, nay thời hạn vay đã hết nên anh Th, chị Kh khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ toàn bộ khoản vay là có cơ sở. Yêu cầu khởi kiện của chị Kh, anh H là phù hợp với các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Buộc bà H và ông H phải trả cho chị Kh và anh Th toàn bộ số tiền 160.000.000 đồng. Chị Kh và anh Th không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay, đề nghị được ghi nhận về việc được tính lãi chậm thi hành án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Điều 244; Điều 217; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kh và anh Nguyễn Trọng Th: Buộc bà Lâm Thị H và ông Đỗ Văn H phải trả cho chị Bùi Thị Kh và anh Nguyễn Trung Th số tiền còn nợ là 160.000.000 đồng .

2. Về án phí: Bà Lâm Thị H và ông Đỗ Văn H phải chịu 8.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Kh, anh Th 4.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001979 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy

3. Quyền kháng cáo:

Chị Kh, bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Th, ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- TAND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

